

Số: 511/2025/QĐST-DS

Bình Chánh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 669/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hà Ngọc H**, sinh năm: 2005

Địa chỉ: B8/26E, ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Chu Văn D**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: 6/1B ấp C, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 25/10/2024)

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: E7/21B khu phố C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Hà Ngọc H2**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.2. **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang T**, sinh năm: 1977 –
Chức danh: Tổng giám đốc

Ông Phạm Quang T ủy quyền cho: Ông **Đinh Văn K**, sinh năm: 1985 –
Chức danh: Giám đốc SCB chi nhánh Gia Định

Ông Đinh Văn K ủy quyền lại cho: Ông **Phạm Ngọc H**, sinh năm: 1981 –
Chức vụ: Giám đốc phòng KHCN

Địa chỉ: 101 H, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 18/12/2024)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hàng thừa kế:

Ông Hà Ngọc Q và bà Trần Thị Ngọc T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 351/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, các đương sự thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Ngọc Q, sinh ngày 02/9/1965, chết ngày 16/6/2022 gồm có:

- Ông Hà Ngọc H2, sinh năm: 1999 (con đẻ)
- Ông Hà Ngọc H, sinh năm: 2005 (con đẻ)

Các bên đương sự thống nhất và cam kết ngoài hàng thừa kế nêu trên thì không có hàng thừa kế nào khác của ông Hà Ngọc Q, sinh ngày 02/9/1965, chết ngày 16/6/2022.

2. Về xác định tài sản chung, di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất tài sản chung của ông Hà Ngọc Q và bà Trần Thị Ngọc T là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe: ô tô con, dung tích 1998, màu sơn: trắng, số chỗ: 08, biển số đăng ký: 51G-199.22, số máy 1TRA485750, số khung 8EM0J3240812 do bà Trần Thị Ngọc T đứng tên chủ sở hữu xe theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 389007 cấp ngày 19/7/2018. Di sản thừa kế của ông Hà Ngọc Q là $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe nêu trên.

Các đương sự thống nhất giá trị chiếc xe ô tô nêu trên theo Chứng thư thẩm định giá số 213/2025/7804.CNGCM ngày 30/5/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thành Đô là 377.000.000 (ba trăm bảy mươi bảy triệu) đồng. Do đó, phần di sản thừa kế của ông Hà Ngọc Q để lại tương ứng với số tiền là 188.500.000 (một trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về phân chia tài sản chung, chia thừa kế:

Chia cho bà Trần Thị Ngọc T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trong khối tài sản chung của ông Hà Ngọc Q và bà Trần Thị Ngọc T tương ứng với số tiền là 188.500.000 (một trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Chia cho ông Hà Ngọc H2 hưởng kỷ phần thừa kế của ông Hà Ngọc Q tương ứng với số tiền là 94.250.000 (chín mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chia cho ông Hà Ngọc H hưởng kỷ phần thừa kế của ông Hà Ngọc Q tương ứng với số tiền là 94.250.000 (chín mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hà Ngọc H2 đồng ý tặng lại cho bà Trần Thị Ngọc T kỷ phần thừa kế mà ông Hiếu được hưởng từ phần thừa kế của ông Hà Ngọc Q tương ứng với số tiền là 94.250.000 (chín mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Như vậy, phần giá trị tài sản bà Trần Thị Ngọc T được chia là 282.750.000 (hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về cách thức thực hiện:

Các đương sự thống nhất giao cho bà Trần Thị Ngọc T được nhận hiện vật là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe: ô tô con, dung tích 1998, màu sơn: trắng, số chỗ: 08, biển số đăng ký: 51G-199.22, số máy 1TRA485750, số khung 8EM0J3240812 do bà Trần Thị Ngọc T đứng tên chủ sở hữu xe theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 389007 cấp ngày 19/7/2018; bà Trần Thị Ngọc T được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt đối với chiếc xe nêu trên.

Bà Trần Thị Ngọc T được quyền liên hệ với Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh G để tiến hành thủ tục xóa thế chấp và nhận lại bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 389007 cấp ngày 19/7/2018 đứng tên Trần Thị Ngọc T đối với chiếc xe nêu trên.

Bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho ông Hà Ngọc H số tiền mà ông Hậu được hưởng từ phần thừa kế của ông Hà Ngọc Q với số tiền là 94.250.000 (chín mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, thực hiện việc thanh toán một lần vào ngày 10/6/2025 là hoàn tất.

Kể từ khi ông Hà Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì bà Trần Thị Ngọc T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá là 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng. Bà Trần Thị Ngọc T đã nộp đủ.

6. Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.068.750 (bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Ông Hà Ngọc H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.356.520 (hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi) đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.875.000 (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004264 ngày 28/6/2024 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Hà Ngọc H còn phải nộp số tiền là 481.520 (bốn trăm tám mươi một nghìn năm trăm hai mươi) đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (4);
- VKSND H.BC (2);
- VKSND Tp. HCM (1);
- CCTHADS H. BC (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

↕ ↘ ↘ ↓↓ ↓↓ ↺ ↓↓ → ↑ ↙ ↑ ⇨ ⇨ ⇨ ↑

Ngô Thị Thùy Dương